TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2024/HS-ST
Ngày 25 – 9 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Thái Thị Hà Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà: Nguyễn Thị Nga
Ông: Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông: Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 178/TLST-HS, ngày 14 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên **Đ V T**, sinh năm 1998 tại Quảng Ninh; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Đ T C, sinh năm 1962 và bà N T M H, sinh năm 1970; Vợ: M T T; Con: có 01 con sinh năm 2021 Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 10/8/2024 đến nay. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại: Anh M M T, sinh năm 1998; trú tại: thôn D, xã E, huyện K, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà N T M H, sinh năm 1970; Địa chỉ: tổ A, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ V T đăng ký và sử dụng số tài khoản 8899798888, mang tên DANG VAN TUYEN mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, đồng thời Đ V T sử dụng tài khoản của vợ là M T T (lúc này đang chấp hành án tại trại giam) tài khoản số 8899014999 tại ngân hàng Quân đội (MBbank) tên MAI THI THU. Ngày 15/5/2023, tài khoản 8899798888 của Đ V T nhận được số tiền 153.000.000 đồng do số tài khoản 234567891988 của anh M M T mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam chuyển tới. Đ V T biết số tiền trên là anh M M T chuyển nhầm vì ngay sau đó số tài khoản trên chuyển tiền cho Đ V T thêm 02 lần nữa, mỗi lần chuyển 50.000 đồng kèm theo nội dung chuyển tiền "Minh vua ck nham. Ban dung chuyen di dau. Minh lien he ngan hang. So dien thoai cua minh 0943999926. Goi lai giup minh. Xin cam on" . Đ V T biết số tiền này là do anh M M T chuyển khoản nhầm nhưng vì đang đang cần tiền tiêu xài nên Đ V T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. Do vậy, Đ V T không liên lạc theo số điện thoại anh M M T để lại trên tin nhắn theo nội dung chuyển tiền và không trả lại tiền cho anh M M T.

Đ V T để số tiền trên trong tài khoản đến ngày 14/6/2023, Đ V T đã sử dụng một phần số tiền trên và chuyển một phần tiền vào số tài khoản 8899014999 tên MAI THI THU. Ngày 27/7/2023, anh M M T đã gặp Đ V T và yêu cầu Đ V T trả lại số tiền trên nhưng Đ V T chỉ trả được 50.000.000 đồng cho anh M M T. Đến cuối tháng 12/2023, Đ V T đã gặp anh M M T để trả tiếp cho anh M M T số tiền 20.000.000 đồng và xin anh M M T cho trả dần số tiền còn lại nhưng anh M M T không đồng ý. Đến ngày 14/7/2023, Đ V T đã tiêu xài hết số tiền 153.000.000 đồng của anh M M T. Ngày 03/4/2024, anh M M T đã đến cơ quan Công an trình báo về hành vi chiếm giữ tài sản của Đ V T.

Ngày 21/8/2024, mẹ đẻ bị cáo là bà N T M H, thay mặt bị cáo đã bồi thường tiếp cho anh M M T số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường là 63.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 178/CT-VKSGL, ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đ V T về Tội Chiếm giữ trái phép tài sản theo khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

**** Tại phiên toà***:

- Người bị hại vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị cáo Đ V T thành khẩn khai nhận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cam kết sau khi chấp hành án xong sẽ đi làm để trả cho bị hại số tiền còn lại là 63.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N T M H không yêu cầu bị cáo phải trả lại bà số tiền bà đã bồi thường cho anh M M T là 20.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày luận tội, giữ nguyên

nội dung Bản cáo trạng đã truy tố, trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 176, điểm b,i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Đ V T bố bị cáo Đ V T phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ V T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/8/2024.

+ Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền 63.000.000 đồng. Căn cứ Nghị Quyết 01/2019, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, đề nghị HĐXX áp dụng lãi suất chậm thi hành án theo các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của anh M M T.

Về xử lý vật chứng: không.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 15/5/2023, anh M M T đã chuyển nhầm số tiền 153.000.000 đồng của mình vào tài khoản số 8899798888 của Đ V T mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam. Bị cáo biết đây là số tiền do anh M M T chuyển khoản nhầm vào tài khoản của mình nhưng nhưng do lòng tham, bị cáo không trả lại cho anh M M T mà sử dụng, tiêu sài cá nhân hết. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ V T phạm "Tội chiếm giữ trái phép tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Đ V T là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. *Về hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự

an toàn xã hội. Quá trình điều tra, cơ quan Điều tra đã nhiều lần triệu tập bị cáo đến làm việc nhưng bị cáo không có mặt tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, lấy đó làm căn cứ giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Đối với chị M T T là vợ bị cáo không biết bị cáo sử dụng số tài khoản của mình vào việc chiếm giữ tài sản do thời điểm đó chị Thu đang đi chấp hành án tại trại giam nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện K không đặt vấn đề xử lý đối với chị Thu là có căn cứ.

[6]. Đối với bà N T M H việc bà bồi thường 20.000.000 đồng cho anh Đ V T là do bị cáo tác động bồi thường. Đây là số tiền của bà nhưng bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/7/2023 bị cáo đã trả cho anh M M T 50.000.000 đồng trực tiếp bằng tiền mặt. Cuối tháng 12/2023, Đ V T trả tiếp cho anh M M T 20.000.000 đồng. Ngày 21/8/2024, mẹ bị cáo là bà N T M H đã bồi thường tiếp cho anh M M T 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường là 63.000.000 đồng, anh M M T yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền này. Vì vậy, buộc bị cáo phải trả cho anh M M T số tiền này. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo còn phải chịu lãi suất chậm trả của số tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[8]. Về xử lý vật chứng: không.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: bị cáo Đ V T có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 176; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào các Điều: 331, 332, 333, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Đ V T bố: bị cáo Đ V T phạm Tội chiếm giữ trái phép tài sản.

Xử phạt: **Đ V T 10 (mười)**. tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/8/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đ V T phải trả lại số tiền 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) cho anh M M T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền đến hạn còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Không

Về án phí: Bị cáo Đ V T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo Đ V T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N T M H có mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M M T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo
- VKSND huyện K
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND TP. Hà Nội
- Công an huyện K
- Chi cục THADS huyện K
- Sở tư pháp TP. Hà Nội
- UBND P. C, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Lưu: hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hà Thu